Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9706.90.00

Mã HS	9706.90.00
Mô tả hàng hóa	Đồ cổ có tuổi trên 100 năm / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:16:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/97069000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19050
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19050
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19050
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18319
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18248
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18248
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18248
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18248
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18248
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18248
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18304
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18304

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18304
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18304
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18304
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18304
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18305
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18305
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18305
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18305
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18305
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18305
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18310
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18267
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18262
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18262
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18262
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18262
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18262
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18262
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18310
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18310
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18310
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18310
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18310
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18310
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18374
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18374

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18374
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18374
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18374
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18374
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18348
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18348
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18348
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18348
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18348
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18348
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18341
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18341
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18341
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18341
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18341
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18341
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18371
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18371
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18371
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18371
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18371
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18371
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18370
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18370
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18370
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18370
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18370
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18464
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18464
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18464
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18464
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18464
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18464
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18464
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18335
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18335
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18335
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18335
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18335
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18335
RCEP B	2022	2022	0	B!D18335
RCEP B	2023	2023	0	B!E18335
RCEP B	2024	2024	0	B!F18335
RCEP B	2025	2025	0	B!G18335
RCEP B	2026	2026	0	B!H18335
RCEP B	2027	2027	0	B!I18335
RCEP C	2022	2022	0	C!D18333
RCEP C	2023	2023	0	C!E18333
RCEP C	2024	2024	0	C!F18333
RCEP C	2025	2025	0	C!G18333
RCEP C	2026	2026	0	C!H18333

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18333
RCEP D	2022	2022	0	D!D18332
RCEP D	2023	2023	0	D!E18332
RCEP D	2024	2024	0	D!F18332
RCEP D	2025	2025	0	D!G18332
RCEP D	2026	2026	0	D!H18332
RCEP D	2027	2027	0	D!I18332
RCEP E	2022	2022	0	E!D18337
RCEP E	2023	2023	0	E!E18337
RCEP E	2024	2024	0	E!F18337
RCEP E	2025	2025	0	E!G18337
RCEP E	2026	2026	0	E!H18337
RCEP E	2027	2027	0	E!I18337
RCEP F	2022	2022	0	F!D18335
RCEP F	2023	2023	0	F!E18335
RCEP F	2024	2024	0	F!F18335
RCEP F	2025	2025	0	F!G18335
RCEP F	2026	2026	0	F!H18335
RCEP F	2027	2027	0	F!I18335
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17180
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17180
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17180
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17180

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9706.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9706.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9706.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9706.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19050), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.